

Số: **155**/BC-UBND

Duy Tiên, ngày **21** tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã Mộc Nam năm 2017**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành “Quy định phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Mộc Nam tại Tờ trình số **42**/TTr-UBND ngày **08**/8/2017 về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện Duy Tiên báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Mộc Nam năm 2017 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí 1: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện:

Xã đã tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng nông thôn theo Bộ tiêu chí Quốc gia về Xây dựng Nông thôn mới (XDNTM), xây dựng Quy hoạch và Đề án XDNTM, sau đó mở hội nghị triển khai, thảo luận tại xã và tại 5 đơn vị thôn xóm, công khai dân chủ xin ý kiến tham gia đóng góp của nhân dân cũng như tham khảo ý kiến của các phòng ban chuyên môn của huyện để hoàn thiện Quy hoạch và đề án XDNTM của xã.

Đến tháng 12/2011, UBND huyện đã phê duyệt Quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới của xã Mộc Nam giai đoạn 2011-2020. Tại Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2011 và Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011.

Đảng ủy, UBND xã, Ban chỉ đạo XDNTM của xã tổ chức các hội nghị họp Ban chấp hành Đảng bộ xã, UBND xã, Hội nghị Quân dân chính xã, Hội nghị các chi bộ và họp nhân dân để công khai Quy hoạch XDNTM. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới của xã đã tiến hành việc cắm mốc, phổ biến công khai quy hoạch và thực hiện việc quản lý quy hoạch đảm bảo theo quy định.

Việc thực hiện quy hoạch nông thôn của xã, đặc biệt là quy hoạch phát triển sản xuất: Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM của xã đã chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy hoạch như: quy hoạch bờ vùng bờ thửa, khu sản xuất đa canh, vùng tích tụ, tập trung ruộng đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vùng chăn nuôi bò sữa...

Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý Quy hoạch được UBND huyện Duy Tiên phê duyệt theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 16/6/2016.

Tổng kinh phí thực hiện quy hoạch là 120 triệu đồng. Trong đó ngân sách tỉnh là 120 triệu đồng.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.2. Tiêu chí 2: Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.
- Đường trục thôn, xóm và đường liên thôn, xóm ít nhất được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.
- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.
- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

b. Kết quả thực hiện:

Từ sự đồng tình, ủng hộ của người dân, sau 6 năm triển khai xây dựng nông thôn mới, toàn xã đã tiếp nhận được 3.114,8 tấn xi măng của tỉnh hỗ trợ, xã đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp 3.520,2 triệu đồng và hàng nghìn ngày công lao động, hiến 323 m² đất ở, đất vườn trong khu dân cư để đầu tư

xây dựng 18,3 km đường giao thông nông thôn (Trong đó: 15,2 km đường thôn xóm gắn liền với 3,7 km rãnh thoát nước và 3,1 km đường trục chính nội đồng). Cụ thể:

- + Số km đường trục xã được xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn sau khi thực hiện xây dựng NTM: 1,8 km/tổng số 1,8 km, đạt 100%.

- + 100% km đường trục thôn được xây dựng, cứng hoá đạt chuẩn theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT với tổng số 8,5/8,5 km.

- + Số km đường ngõ xóm được xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn sau khi thực hiện xây dựng NTM: 6,7/6,7 km đạt chỉ tiêu 100% đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa.

- + Số km đường trục chính nội đồng được xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn sau khi thực hiện xây dựng NTM: 4,1 km/tổng số 4,1 km, đạt 100%.

Triển khai quy hoạch lại đồng ruộng, tiến hành đào đắp mở rộng nền đường trục chính nội đồng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc dồn đổi ruộng đất (ĐĐRD) nông nghiệp trên địa bàn xã.

* Tổng kinh phí đã thực hiện cho việc xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông là 7.918,4 triệu đồng, trong đó:

Nguồn ngân sách tỉnh: 3.601,7 triệu đồng

Nguồn ngân sách xã: 0 triệu đồng

Vốn lồng ghép: 0 đồng

Vốn doanh nghiệp: 0 đồng

Nguồn vốn dân đóng góp: 3.520,2 triệu đồng

Vốn khác: 796,5 triệu đồng

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.3. Tiêu chí 3: Thủy lợi

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định yêu cầu phòng chống thiên tai tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện:

- Hệ thống thủy lợi: Toàn xã đã tiến hành nạo vét kênh mương thủy lợi nội đồng với khối lượng là 34.494 m³, giải tỏa thường xuyên 27.867 m², ương bổ sung 92 khẩu cống các loại tạo điều kiện thuận lợi cho việc ĐĐRD nông nghiệp trên địa bàn xã. Xây dựng bảo dưỡng 2 trạm bơm đảm bảo đủ lượng nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đến nay tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 90%.

- Hàng năm xây dựng phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, thường xuyên kiểm tra và bổ sung vật tư phòng chống thiên tai, biên chế đủ lực lượng sẵn sàng xử lý khi có tình huống xảy ra.

Tổng kinh phí đã thực hiện cho thủy lợi là: 649,9 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn ngân sách tỉnh, huyện: 60 triệu đồng;

+ Nguồn nhân dân đóng góp: 589,9 triệu đồng;

+ Nguồn khác: 0 triệu đồng.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.4. Tiêu chí 4: Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Hệ thống điện đạt chuẩn

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

b. Kết quả thực hiện:

Xã có 100% số hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. UBND xã đã giao vị trí đất và phối hợp với ngành điện hoàn thành xây thêm 2 trạm biến áp đảm bảo đủ phục vụ nhu cầu dân sinh. Hệ thống điện đảm bảo trên 95% yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Năm 2013 đã bàn giao hệ thống lưới điện cho ngành điện quản lý, bán điện trực tiến đến các hộ dân, đã đảm bảo cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.5. Tiêu chí 5: Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia.

b. Kết quả thực hiện:

- Trường Mầm non: Năm 2013 xã đã hoàn thiện việc xây dựng mới trường mầm non tập trung của xã và đưa vào sử dụng với tổng kinh phí xây dựng 14.700 triệu đồng. Đến nay trường mầm non đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Trường Tiểu học: Trường tiểu học đã được xây dựng và đạt chuẩn, hàng năm UBND xã tiến hành đầu tư sửa chữa thường xuyên và mua sắm trang thiết bị đảm bảo cơ sở vật chất cho việc dạy và học.

- Trường THCS: Xã đã tiến hành sửa chữa quét vôi ve các phòng học, phòng chức năng. Sửa chữa, thay thế hệ thống cửa sổ, cửa ra vào dãy nhà 8 phòng. Đồng thời tiến hành mua sắm, lắp đặt thiết bị bàn ghế và các trang thiết bị khác phục vụ cho việc dạy và học. Tuy nhiên trường THCS được xây dựng từ năm 1993 đến nay về yêu cầu vẫn còn chưa được đáp ứng đủ theo tiêu chuẩn của Bộ giáo dục. UBND xã đang tiến hành xin chủ trương của cấp có thẩm quyền để triển khai xây dựng trường ở vị trí mới đảm bảo yêu cầu của tiêu chí. (Chưa đạt)

Đền nay xã đã đạt 2/3 chỉ tiêu Tỷ lệ trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia. Tổng kinh phí huy động để đầu tư xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất trường học của 3 nhà trường là: 16.300 triệu đồng.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Chưa đạt.

2.6. Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Xã có Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b. Kết quả thực hiện:

- Nhà văn hóa và khu thể thao xã:

+ Nhà Văn hoá xã: xã chưa có nhà văn hoá trung tâm xã, hiện nay xã vẫn đang sử dụng hội trường UBND xã với 180 ghế ngồi để tổ chức các hội nghị, học tập (*Chưa đạt*).

+ Khu thể thao xã: Xã đã có sân vận động trung tâm với diện tích hơn 6.000 m² để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và sân khấu văn hóa, văn nghệ. UBND xã xây dựng kế hoạch để san lấp mở rộng thêm 2.300 m² với tổng kinh phí 1.000 triệu đồng vào cuối năm 2017.

- Nhà văn hoá thôn và khu thể thao thôn: Toàn xã có 5 thôn có nhà văn hóa gắn với các sân thể thao và điểm vui chơi sử dụng hội họp và các hoạt động văn hóa xã hội tại từng thôn, xóm. Trong năm 2014 thôn Yên Lạc đầu tư xây dựng mới nhà văn hoá thôn với kinh phí ước 5.000 triệu đồng. Các khu thể thao của thôn đều đảm bảo hoạt động thể thao của nhân dân trong thôn.

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hóa: 5.150 triệu đồng

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Chưa đạt (*vì chỉ tiêu nhà văn hoá trung tâm xã*).

2.7. Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Xã có chợ hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đạt chuẩn theo quy định.

b. Kết quả thực hiện:

Chợ được Quy hoạch và xây dựng với diện tích 2.780m²; đã xây dựng đình chợ và các ki ốt bán hàng, có nhà vệ sinh. Chợ có Ban quản lý chợ, có trạm cân đo lường và có nội quy chợ được huyện phê duyệt. Hiện tại đang phục vụ tốt nhu cầu kinh doanh, buôn bán của nhân dân. Năm 2017 xã đã tiến hành nâng cấp, sửa chữa đình chợ với tổng kinh phí 141 triệu đồng.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.8. Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Xã có điểm phục vụ Bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.
- Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã có bưu điện văn hoá xã với diện tích là 297 m², 01 trung tâm bưu chính viễn thông, có 01 điểm truy cập Internet công cộng và có Internet đến tất cả các công sở, thôn xóm (đạt 100%) tạo điều kiện thuận tiện cho nhân dân trong việc khai thác và truy cập thôn tin. Xã đó đạt chuẩn về bưu điện theo tiêu chí NTM. Đối với công tác quản lý và điều hành, công tác truy cập thông tin và quản lý công việc đã được UBND xã ứng dụng từ nhiều năm nay tạo sự thuận lợi và chính xác trong việc xử lý và giải quyết công việc.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.9. Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Không có nhà tạm, dột nát;
- 90% hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

b. Kết quả thực hiện:

- Trên địa bàn xã có 1260/1384 đạt 91% số gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn bộ xây dựng. Trong các năm từ 2011-2016 đã xoá 12 nhà tạm, nhà không an toàn; hiện không có nhà dột nát.

- Tổng kinh phí đã thực hiện cho Nhà ở dân cư là 2.400 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn ngân sách tỉnh: 0 triệu đồng;

+ Nguồn khác: 360 triệu đồng;

+ Nguồn nhân dân đóng góp: 2.040 triệu đồng

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.10. Tiêu chí 10: Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Yêu cầu của tiêu chí là: Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2017 đạt 37 triệu đồng/người/năm.

b. Kết quả thực hiện: Trong những năm qua, Đảng uỷ, UBND xã đã tập trung chỉ đạo công tác phát triển sản xuất. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tham gia tích cực vào các phong trào cải tạo vườn tạo, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng các mô hình sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao góp phần làm cải thiện đời sống vật chất, nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo cho người dân trên địa bàn xã. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, mô hình phát triển sản xuất, cụ thể:

+ Xây dựng được 32 mô hình chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học với tổng diện tích là 402 m². (Trong đó: Năm 2015 xây dựng được 11 mô hình với tổng diện tích là 320 m²). Đối với mô hình chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học, ngoài cơ chế hỗ trợ của tỉnh, của huyện, UBND xã và HTXDVNN còn hỗ trợ thêm 2 triệu đồng/1 mô hình.

+ 03 mô hình sản xuất nấm ăn.

+ Thực hiện đề án tích tụ tập trung ruộng đất của huyện UBND xã đã xây dựng kế hoạch và quy hoạch 70.5 ha diện tích đất trồng lúa chuyển sang sản xuất lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Năm 2017 đã triển khai thực hiện mô hình điểm với diện tích 21,4 ha có 9 hộ tham gia. Đến nay cho thấy hiệu quả sản xuất tăng cao so với sản xuất 2 vụ lúa truyền thống tạo thu nhập cao cho nông dân trong xã.

UBND xã giao cho hội nông dân xã làm tốt công tác tuyên truyền việc cải tạo vườn tạp đưa các giống cây ăn quả cho hiệu quả năng suất như bưởi diễm, nhãn muộn vào trồng, tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng trọt cho hội viên. Đến nay các vườn nhãn trên địa bàn xã cho năng suất cao và tạo được thương hiệu trên thị trường tiêu thụ.

+ Công tác dồn đổi ruộng đất: Đến nay toàn xã đã có 5/5 đơn vị thôn xóm đã hoàn thành việc dồn đổi ruộng đất nông nghiệp. Tổng diện tích tham gia dồn đổi là: 251.77 ha, số khẩu thực hiện dồn đổi: 3886 khẩu. Trung bình số thửa mỗi hộ sau dồn đổi từ 1 - 2 thửa. Hiện nay, các tiểu ban DĐRD của xã đang tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ địa chính để trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ngoài đồng cho nhân dân.

+ Công tác cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Từ khi triển khai Đề án xây dựng NTM đến nay, trên địa bàn toàn xã đã mua 02 máy gặt, 01 máy làm đất.

Thu nhập bình quân/người năm 2017 đạt: 37 triệu đồng/người.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.11. Tiêu chí 11: Hộ nghèo

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 dưới 2%.

b. Kết quả thực hiện: Tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm, những mô hình làm ăn giỏi, tạo điều kiện cho các hộ nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi, động viên hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Năm 2011, hộ nghèo trong toàn xã là chiếm 8.22%, thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Đến hết năm 2016 theo điều tra hộ nghèo theo chuẩn mới trên địa bàn xã còn 21 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ là 1.71% đạt tiêu chí nông thôn mới.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.12. Tiêu chí 13: Tỷ lệ lao động có việc làm

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động đạt từ 90% trở lên.

b. Kết quả thực hiện: Phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đồng Văn, khu công nghiệp Hòa Mạc thông báo tuyển chọn lao động cử đi đào tạo và nhận về làm việc. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới cho khoảng 300 lao động.

- Tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: Lao động nông thôn có việc làm thường xuyên trong xã đạt 91,3%, đến nay đã đạt tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên.

Công tác đào tạo nghề được Đảng uỷ, UBND xã chú trọng tuyên truyền, tổ chức thực hiện. Hiện tại trên địa bàn xã có làng nghề dệt lụa truyền thống, khu di tích lịch sử Đền Lảnh Giang đây là những điều kiện thuận lợi để tạo việc làm và nguồn thu nhập cho nhiều lao động trong độ tuổi giải quyết triệt để tình trạng lao động thất nghiệp tại địa bàn xã.

Công tác đào tạo nghề, hướng dẫn phát triển các ngành nghề dịch vụ đã tạo điều kiện cho phân luồng sử dụng số lao động tại địa phương; hiện tại trong xã có 2.654 lao động trong độ tuổi; trong đó lao động tham gia lĩnh vực xây dựng công nghiệp, TTCN, xây dựng = 1.067; LĐ tham gia các hoạt động dịch vụ = 401; LĐ tham gia SXNN = 1.186.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.13. Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức sản xuất

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Có hợp tác hoặc HTX hoạt động theo đúng quy định luật HTX 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b. Kết quả thực hiện: Xã Mộc Nam có 01 HTXDVNN đã và đang hoạt động có hiệu quả. HTX đã thực hiện tốt các khâu dịch vụ thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất cây trồng chính của xã, mở rộng quy mô và chất lượng các loại hình dịch vụ nâng cao uy tín và độ tin cậy của xã viên đối với HTX. Qua tổng kết đánh giá hàng năm khâu dịch vụ đều có lãi và bổ sung vốn quỹ vào quỹ của HTX.

Năm 2017 UBND xã đã chỉ đạo HTX DVNN tiến hành tìm đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp và đã tiến hành ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với trung tâm nghiên cứu gia cầm Đại Xuyên. Qua tổng kết đánh giá hàng năm khâu dịch vụ đều có lãi và bổ sung vốn quỹ vào quỹ của HTX.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.14. Tiêu chí 14: Giáo dục và đào tạo

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học THPT, Bổ túc, trung cấp trên 90%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm trên 45% lao động.

b. Kết quả thực hiện: Xã Mộc Nam hiện có 2/3 nhà trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó trường Mầm non đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ III trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II. Xã đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học theo độ tuổi. Tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS theo quy chuẩn của Bộ GD&ĐT đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 100%

- Tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 52%

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.15. Tiêu chí 15: Y tế

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 85% trở lên

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $\leq 13,9\%$.

b. Kết quả thực hiện:

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 90,3 %.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: Trạm y tế xã được xây dựng năm 2007 và được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định 4667 của Bộ Y tế năm 2012.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi: 12,6%.

Trạm y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân thông qua việc khám và điều trị ngoại trú hàng năm là 1200 lượt người. Làm tốt công tác y tế dự phòng. Tổ chức uống Vitamin A và tiêm phòng 6 bệnh truyền nhiễm cho các cháu trong độ tuổi đạt 100%. Mua sắm trang thiết bị y tế đảm bảo khang trang đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân trên địa bàn xã.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.16. Tiêu chí 16: Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Xã có từ 70% thôn trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định của Bộ VH,TT và Du lịch.

b. Kết quả thực hiện: Công tác quản lý Nhà nước về văn hóa tiếp tục được tăng cường đạt hiệu quả thiết thực. Các hoạt động văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng được thực hiện nghiêm túc. Triển khai thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Hiện toàn xã có 5/5 thôn xóm được công nhận làng văn hoá đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa là 96%.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng đã thu hút đông đảo nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi tham gia tập luyện một cách tự giác, điển hình là các môn: thể dục dưỡng sinh, đi bộ, cầu lông, bóng chuyền hơi, cờ tướng. Tỷ lệ người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên đạt 35%.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.17. Tiêu chí 17: Môi trường

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định $\geq 98\%$;
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100%;
- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn;
- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;
- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 90 %;
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 80%;
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

b. Kết quả thực hiện:

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt theo quy chuẩn: Trên địa bàn xã có nhà máy nước sạch Mộc Nam với công suất 3.000m³/ngày đêm phục vụ đủ nhu cầu về nước sạch nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn xã đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh. Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- 68/68 các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các trang trại chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã đã ký cam kết về nhiệm vụ bảo vệ môi trường không xả thải độc hại ra môi trường xung quanh đạt tỷ lệ 100%. Các hộ chăn nuôi lớn có biện pháp xử lý chất thải bằng cách xây dựng hầm, bể bioga, và nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học.

- Năm 2017 UBND xã đã huy động nhân dân trong xã, các chi hội chi đoàn tập trung cho việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp tổng dọn vệ sinh môi trường trên toàn địa bàn xã mỗi tháng 2 lần vào chủ nhật giữa tháng và cuối tháng. Chi đạo xây dựng các tuyến đường trồng hoa của xã, trên các tuyến đường thôn chiều dài 3.000m với tổng kinh phí khoảng 170 triệu đồng.

- Nghĩa trang nhân dân xây dựng theo quy hoạch: Toàn xã có 05 nghĩa trang nhân dân và một nghĩa trang liệt sỹ, các nghĩa trang đều được hình thành từ lâu, việc quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Xã đã xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang và đã được UBND huyện phê duyệt để thực hiện việc quản lý, chôn cất theo quy

định. Công tác tuyên truyền nhân dân về việc hỏa táng đã được triển khai và thực hiện tốt. Đến nay đã có trên 30 trường hợp người chết được đưa đi hỏa táng và chôn cất đảm bảo an toàn, vệ sinh.

- Đối với rác thải và chất thải rắn đã có 5/5 thôn thành lập tổ thu gom rác thải để vận chuyển rác thải của các thôn về bể trung chuyển của xã để thu gom và đưa về công ty Ba An xử lý. Chất thải rắn, nước thải trên địa bàn xã thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định, các tuyến đường thôn, xã đều có hệ thống rãnh thoát nước và có lắp đặt đảm bảo vệ sinh.

- Toàn xã có 1.384/1.384 hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước mưa, đạt tỷ lệ 100% theo tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Đối với các hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện nghiêm chỉnh việc tuân thủ an toàn vệ sinh thực phẩm, có các biện pháp đảm bảo vệ sinh trong việc bảo quản và chế biến thực phẩm sạch, thực phẩm an toàn.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.18. Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn;
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định;
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”;
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên;
- Xã đạt chuẩn tiếp cận theo quy định;
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b. Kết quả thực hiện:

Công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức xã thường xuyên được quan tâm. Từ năm 2011 đến nay, UBND xã đã tạo điều kiện cho 11 đồng chí đã và đang theo học trình độ hệ đại học, tổ chức cho 03 đồng chí cán bộ tham gia lớp công nghệ thông tin nâng cao, 11 đồng chí theo học lớp trung cấp chính trị - hành chính. Nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức của xã đã cơ bản đạt chuẩn theo quy định.

Xã có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị bao gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. Hệ thống chính trị ổn định, vững mạnh, luôn được củng cố và tăng cường đảm bảo an ninh nông thôn, đảm bảo ổn định để phát triển kinh tế. Đảng bộ, chính quyền xã trong nhiều năm liền đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của xã có các chi hội, chi đoàn và các hội viên, đoàn viên tích cực tham gia vào phong trào xây dựng nông thôn mới và trong nhiều năm, các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến và tiên tiến xuất sắc.

Cán bộ, công chức và nhân dân trong xã thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn, tìm hiểu kiến thức pháp luật. Được tự do tìm hiểu các trang mạng kiến thức pháp luật tại điểm truy cập tại phòng tư pháp xã. Được nghe các bài viết trên đài truyền thanh xã về kiến thức pháp luật. UBND xã tổ chức mời báo cáo viên của huyện về truyền đạt kiến thức định kỳ mỗi năm một lần tại xã, tổ chức cho cán bộ hội tham gia chương trình cuộc thi “Hòa giải viên giỏi cấp cơ sở”.

Bình đẳng giới trong xã hội được quan tâm và duy trì, tại các đơn vị thôn xóm Hội phụ nữ xã đã thành lập các địa chỉ tin cậy cho chị em. Công tác tuyên truyền về bình đẳng giới được làm tốt.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.19. Tiêu chí 19: An ninh trật tự xã hội

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng;

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên, không có khiếu kiện đông người kéo dài, không để xảy ra trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b. Kết quả thực hiện: Hàng năm, Đảng ủy có xây dựng Nghị quyết, UBND có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tổ chức tốt ngày Hội “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Tình hình an ninh chính trị, TTATXH trên địa bàn xã luôn được giữ vững. Ban công an xã luôn làm tốt công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng. Phối kết hợp trong khối nội chính, tổ chức tuần tra, đảm bảo trật tự trị an, an toàn xã hội cho nhân dân trong xã. Tập trung giải quyết tệ nạn xã hội như: ma túy, cờ bạc, sô đề ..., thu được nhiều kết quả tốt. Giải quyết triệt để các vụ việc từ cơ sở không để tình trạng khiếu kiện đông người diễn ra. Trong 5 năm qua trên địa bàn xã không để xảy ra trọng án, tội phạm nguy hiểm và tội phạm đặc biệt nguy hiểm.

Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm có sơ, tổng kết đánh giá kết quả đạt được, rút ra những kinh nghiệm và đề ra phương hướng trong thời gian tới, cử cán bộ, công an viên đi đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm Ban công an xã đều được Công an huyện Duy Tiên tặng giấy khen về phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đối với công tác Quân sự địa phương: Trong nhiều năm liền đã được tặng cờ thi đua và nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp. Lực lượng quân sự địa phương được biên chế đầy đủ các lực lượng theo quy định của Bộ Quốc phòng, thường xuyên tham gia huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới (Không có nợ đọng)

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đảm bảo theo yêu cầu

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Mộc Nam đã được UBND huyện Duy Tiên thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 17/19 tiêu chí, đạt 89,5%; 47/49 chỉ tiêu. Các tiêu chí đạt gồm: Quy hoạch; Giao thông; Thuỷ lợi; Điện; Cơ sở HT-TM nông thôn; Thông tin và truyền thông; Nhà ở dân cư; Thu nhập; Hộ nghèo; Lao động có việc làm; Tổ chức sản xuất; Giáo dục và đào tạo; Y tế; Văn hoá; Môi trường; Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng và an ninh.

- Kết quả chấm điểm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành “Quy định phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020” xã Mộc Nam đạt 98/100 điểm (có biểu chi tiết kèm theo).

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Không có nợ đọng.

III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả xây dựng NTM xã Mộc Nam, Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện đề nghị UBND tỉnh thành lập đoàn thẩm định để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí và thành lập hội đồng thẩm định xét, công nhận xã Mộc Nam đạt chuẩn NTM năm 2017./.

Nơi nhận:

- BCD XD NTM tỉnh Hà Nam;
- Văn phòng điều phối XD NTM tỉnh;
- BCD XD NTM huyện;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Liên

BẢNG ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM CỦA XÃ MỘC NAM
(kèm theo Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017)

TTT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã	Kết quả thẩm tra
I. QUY HOẠCH				8	8	8
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	4	4	4
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	4	4	4
		- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	2	2	2
		- Hoàn thành cắm mốc ngoài thực địa và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	2	2	2
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				36	34	34
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	3	3	3
			70-<100%	2		
			50-<70%	1		
		2.2. Đường trục thôn, xóm và đường liên thôn, xóm ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	3	3	3
			80-<100%	2		
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% cứng hóa	2	2	2
		2.4. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa và đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% 70-<100%	2 1	2	2
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥80%	2	2	2
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	2	2	2
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	2	2	2
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	1	1	1
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%	4		
		5.1. Tỷ lệ trường mầm non, mẫu giáo có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đạt	2	2	2
		5.2. Tỷ lệ trường tiểu học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đạt	1	1	1

TTT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã	Kết quả thẩm tra
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	2	1	1
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	1	1	1
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	2	2	2
			80-<100%	1		
7	Cơ sở HT-TM nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	2	2	2
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	1	1	1
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	1	1	1
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	1	1	1
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	1	1	1
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	2	2	2
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%	2	2	2
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				16	16	16
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2017 (triệu đồng/người)	37 tr.đ	4	4	4
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤2%	4	4	4
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%	4	4	4
			80-<90%	2		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	2	2	2
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	2	2	2
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				30	29	29
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	2	2	2
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥90%	2	2	2
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥45%	4	4	4
			40-<45%	3		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	2	2	2
			75-<85%	1		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	2	2	2
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp	≤13,9%	2	2	2

TTT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã	Kết quả thẩm tra
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	5	5	5
			50%-<70%	3		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥98% (≥65% nước sạch)	2	2	2
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	1	1	1
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	2	2	2
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	1	1	1
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	2	2	2
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%	1	1	1
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%	1	1	1
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	1	1	1
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				10	10	10
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	1	1	1
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	1	1	1
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	2	2	2
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	2	2	2
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	1	1	1
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	1	1	1
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	1	1	1
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	1	1	1
Tổng cộng				100	98	98